

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

*V/v xin ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Quang Sáng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị H.**
Ông **Vũ T Lâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Huyền** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31-8-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ly A S, sinh năm 1990. Có mặt
Trú quán: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn theo sự giới thiệu của T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái: Ông Nông Đức Trung – Trợ giúp viên pháp lý T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Cư Thị T, sinh năm 1990. Vắng mặt không có lý do
Trú quán: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/5/2022 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Ly A S trình bày: Anh và chị Cư Thị T về chung sống với nhau từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm và có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đến ngày 10/8/2009 vợ chồng tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn, sinh sống tại thôn 2, nay là thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T nghe lời con gái tự ý bỏ đi làm ăn xa

nhà, không quan tâm gì đến chồng và các con. Từ tháng 8 năm 2017 đến nay chị T ít về nhà. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh S xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh S và chị T có hai người con chung là Ly Văn C, sinh ngày 02/3/2008 và Ly Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2009. Hiện nay các con đang ở cùng với anh S, khi ly hôn anh S có nguyện vọng nuôi các con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Cư Thị T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để chị T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do chính đáng và không gửi văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh S.

Ngày 08/8/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nơi cư trú của chị T, tình trạng hôn nhân của anh S và chị T.

Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Anh S và chị T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2007 đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn tình cảm với nhau nữa. Nay anh S xin ly hôn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh S được ly hôn với chị T. Về con chung giữa anh S và chị T có 02 người con chung là Ly Văn C, sinh ngày 02/3/2008 và Ly Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2009. Hiện các cháu đang ở với anh S, do anh S chăm sóc nuôi dưỡng từ khi chị T bỏ đi làm ăn đến nay, các cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố, mẹ ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao các cháu Ly Văn C và Ly Thị Ngọc H cho anh S được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí do anh S là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo của năm 2022 nên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 miễn án phí cho anh S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, anh S có mặt, chị T vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, việc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị T là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân, giải quyết cho anh Ly A S được ly hôn chị Cur Thị T; về con chung, giao các con chung là Ly Văn C, sinh ngày 02/3/2008 và Ly Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2009 cho anh Ly A S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Cur Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Ly A S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh S là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo của năm 2022 nên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Ly A S yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Cur Thị T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Chị T và anh S đều trú quán tại xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Cur Thị T đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt, anh Ly A S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa mở vào hồi 11 giờ 10 phút ngày 15/9/2022, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị T vắng mặt không có lý do nên phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ly A S và chị Cur Thị T kết hôn với nhau từ năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm đến năm 2009 vợ chồng có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 10/8/2009, khi đăng ký kết hôn cả anh S và chị T đều đủ điều kiện kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống chị T và anh S không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị T bỏ ra ngoài làm ăn, ít khi về nhà, không chăm lo gì tới gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2017. Từ đó giữa chị T và anh S xảy ra cãi, chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là do anh S thực hiện. Ngày 08/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Văn

Yên tiến hành xác minh thì Ủy ban nhân dân xã N xác định nội dung nêu trên là đúng. Điều này vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Ly A S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Ly A S đối với chị Cư Thị T.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai người con chung là Ly Văn C, sinh ngày 02/3/2008 và Ly Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2009. Hiện các con đang ở cùng với anh S, do anh S nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ. Khi ly hôn anh S nhận trực tiếp nuôi dưỡng các con chung mà không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Còn chị T thường xuyên không có mặt tại địa phương, không chăm lo gì đến các con. Tại các đơn nghề nghị cùng ngày 26/5/2022 cháu C và cháu H đều thể hiện nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao các con chung là Ly Văn C và Ly Thị Ngọc H cho anh Ly A S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Cư Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì anh Ly A S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, anh S là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ nghèo của năm 2022, anh S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Ly A S.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, án phí là có căn cứ được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227; Điều 228; các điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ly A S đối với chị Cư Thị T. Anh Ly A S được ly hôn chị Cư Thị T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Ly Văn C, sinh ngày 02/3/2008 và Ly Thị Ngọc H, sinh ngày 16/11/2009 cho anh Ly A S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị Cư Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Ly A S. Anh Ly A S được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0002825 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND, THADS huyện;
- UBND N, H. Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Sáng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị H

Vũ T Lâm

Vũ Quang Sáng

